

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ ĐÔNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2022



Tháng 03 năm 2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ ĐÔNG

Số 31 đường Quyết Thắng, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đinh Văn Tiến	Chủ tịch
Ông Phạm Trung Thành	Thành viên
Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Thành	Thành viên
Ông Trần Văn Hùng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Phạm Trung Thành	Giám đốc
Ông Trần Văn Hùng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hoài Nam	Phó Giám đốc

Ban kiểm soát

Bà Lưu Thị Hồng Tường	Trưởng ban
Bà Trần Thị Hạnh	Thành viên
Ông Lê Văn Phong	Thành viên

Kế toán trưởng

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 là bà Lê Thị Bích Hồng.

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Phạm Trung Thành.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, ngoài sự kiện được trình bày tại thuyết minh số 31, không có bất cứ sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc đảm bảo các sổ sách kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phạm Trung Thành
Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Số: 245/2023/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022*

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 27/03/2023, từ trang 06 đến trang 29 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên các xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề khác

Năm 2022 là năm đầu tiên Công ty lập báo cáo tài chính tổng hợp, số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp được hợp cộng từ Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông và số liệu của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông - Chi nhánh Quảng Nam (được thành lập ngày 14/06/2022). Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại Báo cáo kiểm toán số 332/BCKT/TC ngày 25/03/2022.



Lê Quang Nghĩa

Phó Tổng giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số:
3660-2021-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Ngô Anh Dũng

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số:
5215-2021-112-1

Mẫu số B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		83.402.487.488	76.451.423.114
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	5.897.129.920	22.561.240.272
Tiền	111		5.897.129.920	22.561.240.272
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	5.302.600.000	20.102.600.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.302.600.000	20.102.600.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		66.991.809.262	28.657.438.789
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	53.702.392.646	27.681.822.719
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	832.632.342	223.654.030
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	12.682.696.380	977.874.146
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(334.704.890)	(334.704.890)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		108.792.784	108.792.784
Hàng tồn kho	140	10	4.841.560.531	4.048.685.201
Hàng tồn kho	141		4.841.560.531	4.048.685.201
Tài sản ngắn hạn khác	150		369.387.775	1.081.458.852
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	369.387.775	1.081.458.852
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		56.443.341.307	60.999.387.129
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	204.146.000
Phải thu dài hạn khác	216	9	-	204.146.000
Tài sản cố định	220		53.190.623.656	57.474.409.613
Tài sản cố định hữu hình	221	13	53.190.623.656	57.474.409.613
- Nguyên giá	222		155.724.162.005	152.789.067.560
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(102.533.538.349)	(95.314.657.947)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	350.000.000	350.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		350.000.000	350.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		2.902.717.651	2.970.831.516
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	2.902.717.651	2.970.831.516
TỔNG TÀI SẢN	270		139.845.828.795	137.450.810.243

Mẫu số B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		15.676.533.678	15.375.356.418
Nợ ngắn hạn	310		15.676.533.678	15.375.356.418
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	1.758.699.242	348.113.089
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	373.356.069	292.560
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	3.706.339.026	3.305.774.294
Phải trả người lao động	314		3.669.100.589	2.228.367.665
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		353.500.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	727.703.424	1.027.579.482
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	18	4.000.000.000	7.200.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.087.835.328	1.265.229.328
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		124.169.295.117	122.075.453.825
Vốn chủ sở hữu	410	19	124.169.295.117	122.075.453.825
Vốn góp của chủ sở hữu	411		47.879.100.000	47.879.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		47.879.100.000	47.879.100.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		59.255.610.984	55.699.577.900
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		17.034.584.133	18.496.775.925
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		9.982.547.841	9.982.547.841
- LNST chưa phân phối năm này	421b		7.052.036.292	8.514.228.084
TỔNG NGUỒN VỐN	440		139.845.828.795	137.450.810.243

Người lập biểu

Nguyễn Hà My

Kế toán trưởng

Lê Thị Bích Hồng

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Giám đốc



Phạm Trung Thành

Mẫu số B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	128.518.051.742	104.139.926.109
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		128.518.051.742	104.139.926.109
Giá vốn hàng bán	11	21	112.552.861.253	84.087.472.029
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.965.190.489	20.052.454.080
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	1.493.747.785	1.161.519.424
Chi phí tài chính	22	23	58.531.833	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		58.531.833	-
Chi phí bán hàng	25	24	-	187.370.909
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	6.797.787.381	10.353.204.119
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.602.619.060	10.673.398.476
Thu nhập khác	31		8.666	10
Chi phí khác	32	26	760.649.360	694.135.496
Lợi nhuận khác	40		(760.640.694)	(694.135.486)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.841.978.366	9.979.262.990
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	2.789.942.074	1.465.034.906
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.052.036.292	8.514.228.084
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	1.473	1.778
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	29	1.473	1.778

Người lập biểu

Nguyễn Hà My

Kế toán trưởng

Lê Thị Bích Hồng

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Giám đốc



Phạm Trung Thành

Mẫu số B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	111.244.838.021	110.896.530.884
Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(60.058.033.682)	(45.189.012.768)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(50.890.230.052)	(39.625.817.160)
Tiền lãi vay đã trả	04	(58.531.833)	-
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.796.649.815)	(2.260.000.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.071.760.462	16.983.068.911
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(14.088.152.000)	(17.400.895.454)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(13.574.998.899)	23.403.874.413
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.855.094.445)	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(38.700.000.000)	(135.102.600.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	53.500.000.000	119.596.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(11.470.000.000)	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.223.892.992	1.528.457.624
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.698.798.547	(13.978.142.376)

Mẫu số B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		15.000.000.000	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(15.000.000.000)	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.787.910.000)	(4.787.910.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài	40		(4.787.910.000)	(4.787.910.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(16.664.110.352)	4.637.822.037
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	22.561.240.272	17.923.418.235
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	5.897.129.920	22.561.240.272

Người lập biểu

Nguyễn Hà My

Kế toán trưởng

Lê Thị Bích Hồng

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Giám đốc



Phạm Trung Thành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Mẫu số B09-DN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà Nước theo Quyết định số 976/QĐ-UBND ngày 07/06/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây (nay là Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội) về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500332500 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/09/2007, thay đổi lần thứ 9 ngày 17 tháng 05 năm 2022.

Vốn điều lệ của Công ty là 47.897.100.000 đồng.

Công ty có trụ sở chính tại Số 31 đường Quyết Thắng, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2022 là 567 người (tại 31/12/2021 là 439 người).

Công ty có Chi nhánh hạch toán độc lập là Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Hà đông - Chi nhánh Hội An. Địa chỉ: Số 10 Cửa Đại, Khối Phước Tân, Phường Cửa Đại, TP. Hội An, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam.

1.2 LĨNH VỰC VÀ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh chính là: thu gom rác thải, thoát nước và xử lý nước thải, hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ, dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan công viên cây xanh, chiếu sáng công cộng, trang trí đô thị.

1.3 CHU KỲ KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường không quá 12 tháng.

1.4 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty đã được kiểm toán và hoàn toàn có thể so sánh được.

2. NĂM TÀI CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (Thông tư 200), Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 (Thông tư 53) sửa đổi bổ sung Thông tư 200, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất (Thông tư 202) cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

3.2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Báo cáo tài chính tổng hợp bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông và Báo cáo tài chính của Chi nhánh hạch toán độc lập của Công ty là Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Hà Đông - Chi nhánh Hội An (được thành lập từ ngày 14/06/2022).

3.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (Thông tư 200), Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 (Thông tư 53) sửa đổi bổ sung Thông tư 200 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung ở các nước khác ngoài Việt Nam.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp:

4.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

4.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

4.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản đầu tư khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập từ lãi các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập dựa theo các quy định hiện hành.

4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

4.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

4.6 TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
- Máy móc, thiết bị	03 - 15
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

4.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ trong vòng 24 tháng.

Chi phí khác

Được phân bổ căn cứ thời gian trả trước và thời gian mang lại hiệu quả kinh tế trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

4.8 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.9 CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Công ty thực hiện trích lập Dự phòng Quỹ tiền lương vào cuối mỗi năm nhằm bảo đảm việc trả lương không bị gián đoạn, nhưng không việc quá 17% quỹ tiền lương thực hiện. Các khoản chi tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp phải trả cho người lao động nhưng hết thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế năm thực tế chưa chi trừ trường hợp doanh nghiệp có trích lập quỹ dự phòng để bổ sung vào quỹ tiền lương của năm sau liền kề. Việc trích lập dự phòng tiền lương phải đảm bảo sau khi trích lập, doanh nghiệp không bị lỗ, nếu doanh nghiệp bị lỗ thì không được trích đủ 17%.

4.10 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

4.11 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận được phân phối cho các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

4.12 DOANH THU

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

4.13 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

4.14 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm: Chi phí cho vay và đi vay vốn; Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ. Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

4.15 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Công ty như: lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Công ty, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Công ty.

4.16 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Chi phí thuế thu nhập hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.17 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được xem là liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan trong năm 2022 được Công ty trình bày trong các thuyết minh dưới đây. .

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	62.185.471	263.245.244
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.834.944.449	22.297.995.028
Cộng	5.897.129.920	22.561.240.272

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	5.302.600.000	5.302.600.000	20.102.600.000	20.102.600.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn (*)	5.302.600.000	5.302.600.000	20.102.600.000	20.102.600.000
Dài hạn	350.000.000	350.000.000	350.000.000	350.000.000
+ Trái phiếu (**)	350.000.000	350.000.000	350.000.000	350.000.000
Cộng	5.652.600.000	5.652.600.000	20.452.600.000	20.452.600.000

(*) Hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đô Thành có kỳ hạn gốc 6 tháng, với lãi suất 4,2%/năm.

(**) Trái phiếu có kỳ hạn là khoản mua trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam kỳ hạn 10 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	53.702.392.646	(334.704.890)	27.681.822.719	(334.704.890)
- Công ty TNHH MTV Chiếu sáng và Thiết bị Đô thị	9.961.994.893	-	5.567.141.762	-
- Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng quận Hà Đông	31.545.360.953	-	17.547.770.179	-
- Phòng Quản Lý Đô thị Thành phố Hội An	8.842.160.000	-	-	-
- Phải thu của khách hàng khác	3.352.876.800	(334.704.890)	4.566.910.778	(334.704.890)
Cộng	53.702.392.646	(334.704.890)	27.681.822.719	(334.704.890)

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	832.632.342	-	223.654.030	-
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Vận tải Kim Hưng	429.365.522	-	-	-
- Công ty Cổ phần chiếu sáng Thủ Đô	100.000.000	-	100.000.000	-
- Chi nhánh Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Tầm Nhìn	76.404.500	-	-	-
- Các đối tượng khác	226.862.320	-	123.654.030	-
Cộng	832.632.342	-	223.654.030	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	12.682.696.380	-	977.874.146	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD 3 (cổ tức)	473.170.486	-	497.855.967	-
- Lãi dự thu	94.540.274	-	-	-
- Bảo hiểm xã hội, bảo	256.949.438	-	-	-
- Tạm ứng	50.400.000	-	-	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	251.818.000	-	137.664.480	-
- Đặt cọc mua cổ phần Công ty Cổ phần Gạch không nung Điện Bàn (*)	11.470.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	85.818.182	-	342.353.699	-
Dài hạn	-	-	204.146.000	-
- Ký quỹ, ký cược dài	-	-	204.146.000	-
Cộng	12.682.696.380	-	1.182.020.146	-

(*) Khoản đặt cọc mua Cổ phần Công ty Cổ phần Gạch không nung Điện Bàn, theo các hợp đồng đặt cọc mua với các cá nhân. Tại ngày 31/12/2022, các cá nhân và Công ty chưa hoàn tất thủ tục chuyển đổi cổ phần và Công ty Cổ phần Gạch không nung Điện Bàn chưa thực hiện thay đổi đăng ký kinh doanh.

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	792.118.738	-	1.045.032.622	-
- Công cụ, dụng cụ	102.240.395	-	115.725.531	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.947.201.398	-	2.887.927.048	-
Cộng	4.841.560.531	-	4.048.685.201	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. NỢ XẤU

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khách hàng	334.704.890	-	334.704.890	-
- Công ty Cổ phần Cao su Hà Nội	185.200.000	-	185.200.000	-
- Công ty Cổ phần Bìa Kim Bài	5.200.000	-	5.200.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 21	37.500.000	-	37.500.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Khai thác dịch vụ Ba Đình	13.000.000	-	13.000.000	-
- Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước và Xây dựng	25.704.890	-	25.704.890	-
- BQL dự án KĐT mới Văn Khê- CTCP Sông Đà Thăng Long	68.100.000	-	68.100.000	-
Cộng	334.704.890	-	334.704.890	-

Tại ngày 31/12/2022 và tại ngày 31/12/2021, Công ty đã trích lập dự phòng 100% giá trị khoản nợ phải thu khó đòi với số tiền là 334.704.890 đồng.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	369.387.777	1.081.458.852
- Công cụ dụng cụ	228.968.191	868.780.458
- Phí đường bộ, bảo hiểm xe phân bổ	140.419.586	212.678.394
Dài hạn	2.902.717.649	2.970.831.516
- Công cụ dụng cụ	2.267.973.008	-
- Chi phí sửa chữa phương tiện vận tải	528.614.113	2.282.800.175
- Phí đường bộ	11.686.084	13.503.765
- Chi phí chờ phân bổ	94.444.444	674.527.576
Cộng	3.272.105.426	4.052.290.368

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ ĐÔNG

Số 31 đường Quyết Thắng, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2022	45.539.180.383	3.826.498.654	102.744.338.888	679.049.635	152.789.067.560
- Mua trong năm	89.401.852	80.000.000	2.765.692.593	-	2.935.094.445
31/12/2022	45.628.582.235	3.906.498.654	105.510.031.481	679.049.635	155.724.162.005
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2022	(15.239.339.419)	(3.687.700.318)	(75.808.354.422)	(579.263.788)	(95.314.657.947)
- Khấu hao trong năm	(1.820.825.807)	(21.448.056)	(5.360.154.052)	(16.452.487)	(7.218.880.402)
31/12/2022	(17.060.165.226)	(3.709.148.374)	(81.168.508.474)	(595.716.275)	(102.533.538.349)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2022	30.299.840.964	138.798.336	26.935.984.466	99.785.847	57.474.409.613
31/12/2022	28.568.417.009	197.350.280	24.341.523.007	83.333.360	53.190.623.656

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là: 67.248.314.639 đồng (tại ngày 01/01/2022 là: 60.087.069.798 đồng)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÓ THỊ HÀ ĐÔNG

Số 31 đường Quyết Thắng, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	1.758.699.242	1.758.699.242	348.113.089	348.113.089
- Công ty TNHH Kỹ thuật Môi trường Minh Thụ	309.475.000	309.475.000	-	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Trường Mạnh	282.425.442	282.425.442	29.741.665	29.741.665
- Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Khanh Vy Trần	241.031.410	241.031.410	-	-
- Trung tâm phát triển cụm công nghiệp Quận Hà Đông	43.610.000	43.610.000	43.610.000	43.610.000
- Các đối tượng khác	882.157.390	882.157.390	274.761.424	274.761.424
Cộng	1.758.699.242	1.758.699.242	348.113.089	348.113.089

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2022		Số đã thực nộp trong năm		Số có khả năng trả nợ	
	Giá trị VND	Số phải nộp trong năm VND	Giá trị VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Thuế và các khoản phải nộp						
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	2.828.020.024	5.209.437.973	5.839.742.495	2.197.715.502		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	418.117.930	2.868.473.959	1.796.649.815	1.489.942.074		
- Thuế thu nhập cá nhân	59.636.340	342.574.563	383.529.453	18.681.450		
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	737.754.479	737.754.479	-		
- Thuế bảo vệ môi trường	-	3.000.000	3.000.000	-		
- Các loại thuế khác	-	354.124.800	354.124.800	-		
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	5.446.596	5.446.596	-		
	3.305.774.294	9.520.812.370	9.120.247.638	3.706.339.026		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	373.356.069	-	292.560	-
- Công ty Cổ phần Chiếu sáng công cộng Đà Nẵng	363.917.360	-	-	-
- Các đối tượng khác	9.438.709	-	292.560	-
Cộng	373.356.069	-	292.560	-

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	727.703.424	1.027.579.482
- Kinh phí công đoàn	346.049.092	415.067.376
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	103.696.982	334.554.756
+ Tiền ăn ca	-	230.860.000
+ Phải trả nhà Toan (Độ) tiền đền bù giải phóng mặt bằng đường NTN	103.696.982	103.694.756
- Nhận ký quỹ, ký cược	277.957.350	277.957.350
Cộng	727.703.424	1.027.579.482

18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	4.000.000.000	7.200.000.000
- Dự phòng tiền lương phải trả	4.000.000.000	7.200.000.000
Cộng	4.000.000.000	7.200.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ ĐÔNG

Số 31 đường Quyết Thắng, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***19. VỐN CHỦ SỞ HỮU****19.1 BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
01/01/2021	47.879.100.000	53.506.514.900	17.161.826.841	118.547.441.741
- Lãi trong năm	-	-	8.514.228.084	8.514.228.084
- Thu khác	-	-	21.000.000	21.000.000
- Phân phối lợi nhuận	-	2.193.063.000	(7.200.279.000)	(5.007.216.000)
+ Chia cổ tức	-	-	(4.787.910.000)	(4.787.910.000)
+ <i>Quy thường Ban điều hành</i>	-	-	(219.306.000)	(219.306.000)
+ <i>Trích quỹ đầu tư phát triển</i>	-	2.193.063.000	(2.193.063.000)	-
31/12/2021	47.879.100.000	55.699.577.900	18.496.775.925	122.075.453.825
01/01/2022	47.879.100.000	55.699.577.900	18.496.775.925	122.075.453.825
- Lãi trong năm	-	-	7.052.036.292	7.052.036.292
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	3.556.033.084	(8.514.228.084)	(4.958.195.000)
+ Chia cổ tức	-	-	(4.787.910.000)	(4.787.910.000)
+ <i>Quy thường Ban điều hành</i>	-	-	(170.285.000)	(170.285.000)
+ <i>Trích quỹ đầu tư phát triển</i>	-	3.556.033.084	(3.556.033.084)	-
31/12/2022	47.879.100.000	59.255.610.984	17.034.584.133	124.169.295.117

(*) Phân phối lợi nhuận năm 2021 theo Nghị quyết số 02/NQ-MTĐT ngày 23 tháng 04 năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

19.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội	12.209.920.000	12.209.920.000
- Ông Nguyễn Hoài Nam	5.027.390.000	5.027.390.000
- Ông Nguyễn Thế Thành	7.769.990.000	7.769.990.000
- Ông Trần Văn Hùng	3.139.640.000	3.139.640.000
- America LLC	6.516.240.000	6.516.240.000
- Vốn góp của cổ đông khác	13.215.920.000	13.215.920.000
Cộng	47.879.100.000	47.879.100.000

19.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	47.879.100.000	47.879.100.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	47.879.100.000	47.879.100.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.787.910.000	4.787.910.000

19.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2022	01/01/2022
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.787.910	4.787.910
+ Cổ phiếu phổ thông	4.787.910	4.787.910
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.787.910	4.787.910
+ Cổ phiếu phổ thông	4.787.910	4.787.910
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
	128.518.051.742	104.139.926.109
- Thu phí vệ sinh môi trường	19.582.065.206	19.366.958.576
- Doanh thu từ hoạt động công ích UBND quận Hà Đông	65.850.495.053	59.393.124.509
- Doanh thu từ hoạt động công ích khác	17.680.208.918	9.865.111.288
- Doanh thu hưng táng, cải táng, xây dựng mộ, vườn hoa, nghĩa trang	-	22.727.273
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	2.750.433.387	2.553.506.539
- Doanh thu dịch vụ vận chuyển rác	10.971.821.573	9.836.211.466
- Doanh thu dịch vụ khác	11.683.027.605	3.102.286.458
Cộng	128.518.051.742	104.139.926.109

21. GIÁ VỐN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	112.552.861.253	84.087.472.029
Cộng	112.552.861.253	84.087.472.029

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.318.433.266	1.020.320.638
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	175.314.519	141.198.786
Cộng	1.493.747.785	1.161.519.424

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Chi phí lãi vay	58.531.833	-
Cộng	58.531.833	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	6.797.787.381	10.353.204.119
- Chi phí nhân viên quản lý	5.103.827.883	5.157.213.909
- Chi phí vật liệu quản lý	52.640.547	59.937.791
- Chi phí đồ dùng văn phòng	71.021.551	-
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	1.304.572.991	1.654.060.487
- Thuế, phí và lệ phí	506.109.063	699.008.712
- Hoàn nhập/trích lập dự phòng quỹ tiền lương	(3.200.000.000)	1.100.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	365.271.120	187.641.925
- Chi phí bằng tiền khác	2.594.344.226	1.495.341.295
b) Các khoản chi phí bán hàng	-	187.370.909
- Chi phí phục vụ công tác thu phí vệ sinh môi trường	-	187.370.909
Cộng	6.797.787.381	10.540.575.028

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	35.763.616.223	22.017.874.125
- Chi phí nhân công	63.287.419.205	49.953.068.523
- Khấu hao tài sản cố định	6.533.276.077	7.412.695.995
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.215.620.855	9.046.008.478
- Thuế, phí, lệ phí	505.109.063	699.008.712
- Chi phí bằng tiền khác	8.096.866.534	5.667.375.324
	117.401.907.957	94.796.031.157

26. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Chi phí khấu hao TSCĐ không tham gia vào sản xuất	349.151.508	521.767.714
- Các khoản bị phạt	178.976.018	12.703.126
- Chi phí khác	232.521.834	159.664.656
	760.649.360	694.135.496

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.841.978.366	9.979.262.990
Các khoản chi phí không được khấu trừ	572.477.947	626.470.839
- Khấu hao TSCĐ không tham gia sản xuất	349.151.508	349.151.508
- Các khoản chi phí (phạt)	223.326.439	277.319.331
Các khoản thu nhập không chịu thuế thu	-	141.198.786
- Cổ tức lợi nhuận được chia	-	141.198.786
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	10.414.456.313	10.464.535.043
- Lỗi tại chi nhánh	(3.535.254.059)	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	2.789.942.074	2.092.907.009
Thuế TNDN giảm theo NQ 406/NQ-UBTVQH15	-	627.872.103
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.789.942.074	1.465.034.906

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu	7.052.036.292	8.514.228.084
Trích thưởng ban điều hành	-	-
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu	4.787.910	4.787.910
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	1.473	1.778

29. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu. Do đó, Công ty không xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu.

30. THÔNG TIN VỀ BÊN LIÊN QUAN

Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Họ và Tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Ông Đinh Văn Tiến	Chủ tịch HĐQT	96.000.000	96.000.000
Ông Phạm Trung Thành	Thành viên HĐQT kiêm GD	72.000.000	72.000.000
Ông Trần Văn Hùng	Thành viên HĐQT kiêm PGĐ	72.000.000	72.000.000
Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên HĐQT kiêm PGĐ	72.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Thế Thành	Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
Bà Lưu Thị Hồng Tường	Trưởng ban kiểm soát	48.000.000	48.000.000
Bà Trần Thị Hạnh	Thành viên ban kiểm soát	36.000.000	36.000.000
Ông Lê Văn Phong	Thành viên ban kiểm soát	36.000.000	36.000.000
Tổng		480.000.000	456.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. THÔNG TIN VỀ BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Tiền lương của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng

Họ và Tên	Chức danh	Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
Ông Đinh Văn Tiến	Chủ tịch HĐQT	345.600.000	351.880.000
Ông Phạm Trung Thành	Thành viên HĐQT kiêm GĐ	288.000.000	294.280.000
Ông Trần Văn Hùng	Thành viên HĐQT kiêm PGĐ	252.000.000	258.280.000
Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên HĐQT kiêm PGĐ	252.000.000	13.562.000
Bà Lưu Thị Hồng Tường	Trưởng ban kiểm soát	142.080.000	144.520.000
Bà Trần Thị Hạnh	Thành viên ban kiểm soát	187.200.000	193.480.000
Ông Lê Văn Phong	Thành viên	161.280.000	167.560.000
Bà Lê Thị Bích Hồng	Kế toán trưởng	252.000.000	258.280.000
Tổng		1.880.160.000	1.681.842.000

31. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 01/BB-HĐQT ngày 04/01/2023 của Công ty Cổ phần Gạch không nung Điện Bàn và Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 02/03/2023 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp cho Công ty Cổ phần Gạch không nung Điện Bàn. Từ ngày 01/01/2023, Công ty Cổ phần Gạch không nung Điện Bàn là Công ty con của Công ty.

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

Người lập biểu

Nguyễn Hà My

Kế toán trưởng

Lê Thị Bích Hồng

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Giám đốc



Phạm Trung Thành